

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 5 – 2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đệ

*Các vị Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Bùi Hữu Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 190/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp NT B, xã ĐT, huyện CN, tỉnh CM

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp NT B, xã ĐT, huyện CN, tỉnh CM

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 – 4 – 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa ông và bà H có 04 người con chung tên Nguyễn Mộng C, sinh năm 1995; Trương Việt Tr, sinh năm 1997; Trương Thảo Ng, sinh năm 1999 và Trương Huyền Tr, sinh năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại Biên bản hòa giải ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông T về hôn nhân. Trong thời gian chung sống ông T thường xuyên chửi và đánh đập bà, bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông T không sửa đổi. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà và ông T có 04 người con chung tên Nguyễn Mộng C, sinh năm 1995; Trương Việt Tr, sinh năm 1997; Trương Thảo Ng, sinh năm 1999 và Trương Huyền Tr, sinh năm 2001. Hiện nay các con đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại ấp NTB, xã ĐT, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H chung sống như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Mặc dù ông T yêu cầu xin ly

hôn với bà H và bà H đồng ý, nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H thống nhất xác định có 04 người con chung tên Nguyễn Mộng C, sinh năm 1995; Trương Việt Tr, sinh năm 1997; Trương Thảo Ng, sinh năm 1999 và Trương Huyền Tr, sinh năm 2001. Xét thấy, hiện nay các con chung của ông T và bà H đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà H thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông T và bà H thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 9, 14, 15, 53, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007543 ngày 16/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm ông Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Đã ký

**Nguyễn Văn Đệ**

